

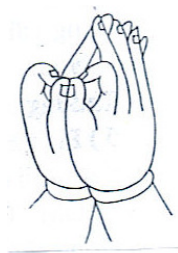


Nơi Phật, Chính Pháp, Hiền Thánh Tăng  
Cha mẹ, hai Thầy, Thiện Tri Thức  
Cùng với vô lượng các chúng sinh  
Lưu chuyển sống chết từ Vô Thủy  
Gây tạo vô tận tội cực nặng  
Đối trước mười phương Phật hiện tiền  
Thầy đều sám hối chẳng làm nữa”

“**Án (1) Tát phộc bá ba tát-bồ tra (2) ná ha năng, phộc nhật-la dã (3) sa-phộc hạ**”

ॐ स त् प च म्मु ह्म द न न व ङ्क य म्मु ह्म

\*)OM\_ SARVA PĀPA SPHAṬ DAHANA VAJRĀYA\_ SVĀHĀ



\_Nam mô mười phương Phật ba đời  
Ba loại thường gần Tạng Chính Pháp  
Chúng Đại Tâm Bồ Đề Thắng Nguyên  
Nay con đều chân chính quy y

**Quy Y Phương Tiện Chân Ngôn** là:

“**Án (1) tát phộc một đà mạo địa tát- đát- noan (2) thiết la noãn nghiệt xa nhĩ (3) phộc nhật-la đạt ma (4) hiệt-lợi (5)**”

ॐ स त् व ह्म व (अस ह्म ङ्क म्म [ॐ ङ्क (अ व ङ्क य ङ्क

\*)OM\_ SARVA BUDDHĀ BODHI-SATVĀNĀM ŚARAṆĀM  
GACCHAMĪ\_ VAJRA-DHARMA\_ HRĪḤ



\_Con tịnh thân này lìa bụi nhơ  
Cùng thân miệng ý của ba đời  
Số nhiều hơn bụi hơn biển lớn  
Phụng hiến tất cả các Như Lai

**Thí Thân Phương Tiện Chân Ngôn** là:

“**Án (1) tát phộc đát tha nghiệt-đa (2) bồ nhạ bát-la bạt lật-đa năng dạ đát-ma nam (3) niết-lý dạ đát dạ nhĩ (4) tát phộc đát tha nghiệt đa thất-giả, địa đề sắt-xá đam (5) tát phộc đát tha nghiệt đa, nhạ nạn mê, a vị thiết đồ (6)**”

ॐ सर्वगतं पूजा प्रवर्तयन्तं त्रिंशत्संख्यं सर्वगतं त्रिंशत्संख्यं  
(ॐ सर्वगतं पूजा प्रवर्तयन्तं त्रिंशत्संख्यं त्रिंशत्संख्यं)

\*)OM\_SARVA TATHĀGATA PŪJA PRAVARTTĀNĀYA ATMĀNĀM  
NIRYĀTA YĀMI SARVA TATHĀGATĀŚCA ADHIṬIṢṬATAM\_SARVA  
TATHĀGATA JÑĀNA ME ĀVIŚATU



\_ Tâm Tĩnh Bò Đê, báu Thắng Nguyên

Nay con phát khởi cứu quần sinh

Góp gom Sinh khở, ràng thân thể

Cùng với Vô Tri hại đên thân

Cứu nhiếp quy y khiến giải thoát

Thường làm lợi ích các Hàm Thức

**Phát Bò Đê Tâm Phương Tiện Chân Ngôn là:**

“**Án (1) mạo địa tức đa (2) mẫu đất bả na dạ nhĩ (3)**”

ॐ वदेव न सुखं यमि

\*)OM\_BODHI-CITTAM UTPĀDA YĀMI



\_ Trong vô lượng Thế Giới mười phương

Các Chính Biến Tri, Chúng Đại Hải

Mỗi mỗi lực phương tiện khéo léo

Với các Phật Tử vì Quần Sinh

Bao nhiêu phước nghiệp đã tu tập

Nay con tùy hỷ hết tất cả

**Tùy Hỷ Phương Tiện Chân Ngôn là:**

“**Án (1) tát phộc đất tha nghiệt đa (2) bản nhược nhạ năng (3) nỗ mộ nại na  
bồ đề mê già tam mộ nại-la (4) tát-phả la ninh tam ma duệ (5) hồng**”

ॐ सर्वगतं पूजा पुण्या ज्ञाना अनुमुदना पूजा

\*)OM\_SARVA TATHĀGATA PUṆYA JÑĀNA ANUMUDANA\_PŪJA  
MEGHA SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪM



Nay con khuyến thỉnh các Như Lai  
Tâm Đại Bồ Đề, Đấng Cứu Thế  
Nguyện xin khắp cả Giới mười phương  
Thường kéo mây lớn tuôn mưa Pháp

**Khuyến Thỉnh Phương Tiện Chân Ngôn** là:

“**Án (1) tát phộc đát tha nghiệt đa (2) thê sái ninh bố nhạ mê già tam mộ nại-la (3) tát-phả la ninh tam ma duệ (4) hồng**”

ॐ स र्व ग ल्प ग न व ष म सु रू म् च स म्भ व सु र म् म य हूं

\*)OM\_ SARVA TATHĀGATA ADDHEṢAṆA PŪJA MEGHA SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪM



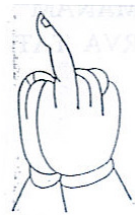
Nguyện nơi cư trú của Phạm Phu  
Mau buông mọi khổ bám trên thân  
Sẽ được đến nơi **không như bản** (Vô Cấu Xứ)  
An trụ Pháp Thân Giới thanh tịnh

**Phụng Thỉnh Pháp Thân Phương Tiện Chân Ngôn** là:

“**Án (1) tát phộc đát tha nghiệt đa (2) nại thê sái dạ nhĩ (3) tát phộc tát đát-phộc hệ đa lật-tha dã (4) đạt ma đà đồ tát thể để lật-phộc mặt đồ (5)**”

ॐ स र्व ग ल्प ग न व ष म् य म् स र्व स र्व द्वा ग ध र्म य द म्भ व सु रू म् म य हूं

\*)OM\_ SARVA TATHĀGATA ADDHEṢA YĀMI\_ SARVA SATVA HĪTA ARTHĀYA\_ DHARMA-DHĀTU STHITIR-BHAVATU



Bao nhiêu Thiện Nghiệp tu hành được  
Vì muốn lợi ích mọi chúng sinh  
Nay con chân chính hồi hướng hết  
Trừ sinh tử khổ đến Bồ Đề

**Hồi Hướng Phương Tiện Chân Ngôn** là:

“**Án (1) tát phộc đát tha nghiệt-đa (2) niết-lý dã năng-la bố nhạ mê già tam mộ nại-la (3) tát-phả la ninh tam ma duệ (4) hồng**”

ॐ स र्व ग ल्प ग न व ष म् सु रू म् च स म्भ व सु र म् म य हूं

\*)OM\_ SARVA TATHĀGATA NIRYĀTANA\_ PŪJA MEGHA SAMUDRA SPHARANA SAMAYE HŪM



\_ Vì khiến Thân Tâm thanh tịnh khắp  
Xót thương cứu nhiếp nơi Ta Người  
Tâm Tĩnh như vậy lia dơ bẩn  
Thân tùy chỗ ứng dùng an tọa  
Rõ ràng để quán **Sơ Tự Môn** (Môn chữ A)  
Luân vi (chung quanh vành xe) chín vòng trắng tròn rỗng

\_ Tiếp nên kết **Ấn Tam Muội Gia**  
Ấy là Tĩnh Trì ba Nghiệp Đạo  
Nên như tướng Mật Ấn  
Các Chính Biến Tri nói  
Nên khiến tay Định Huệ (2 bàn tay)  
Kèm dựng hai Không Luân (2 ngón cái)  
Chạm khắp các chi phần  
Tụng trì Chân Thật Ngữ

**Tĩnh Trì Tam Nghiệp Đạo Chân Ngôn** là:

“**Năng mạc tam mãn đa một đà nam (1) a tam mê, đát-ly tam mê (2) tam ma duệ sa-phộc hạ**”

ॐ त्रिसमं त्रिसमं त्रिसमं त्रिसमं त्रिसमं त्रिसमं त्रिसमं त्रिसमं त्रिसमं त्रिसमं ॐ

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM \_ ASAME TRISAME SAMAYE\_ SVĀHĀ

Vừa kết Mật Ấn này  
Hay tĩnh Như Lai Địa  
Mãn Địa Ba La Mật  
Thành ba Pháp Giới Đạo  
Ấy là các nhóm Ấn  
Thứ tự nối nhau nói  
Chân Ngôn Giả nên biết  
Chỗ làm được thành tựu

\_ Tiếp kết **Pháp Giới Sinh**  
Cờ biểu của Mật Huệ  
Vì tịnh thân khẩu ý  
Chuyên khắp chỗ thân phần  
Tay Bát Nhã Tam Muội (2 tay)  
Đều tác Kim Cương Quyền  
Hai Không (2 ngón cái) tại chưởng ấy (lòng bàn tay)  
Phong Trảng (ngón trỏ như cây phượng) đều thẳng chính  
Như vậy tên **Pháp Giới**  
Bí Ấn của thanh tịnh

**Pháp Giới Sinh Chân Ngôn** là:

“**Năng mạc tam mãn đa một đà nam \_ Đạt ma đà đồ tát-phộc bà-phộc cú hàm**”

ॐ त्रिसमं त्रिसमं त्रिसमं त्रिसमं त्रिसमं त्रिसमं त्रिसमं त्रिसमं त्रिसमं ॐ

\*NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ DHARMA-DHĀTU  
SVABHĀVAKA-UHAM

Như Tụ Tính Pháp Giới  
Mà quán nơi thân mình  
Hoặc dùng lời chân thật  
Chuyên ba lần, tuyên nói  
Sẽ thấy trụ Pháp Thể  
Không dơ như hư không  
Uy lực Ấn Chân Ngôn  
Gia trì Hành Nhân nên  
Để khiến cho bền chắc  
Quán ngay thân Kim Cương  
**Kết Ấn Kim Cương Trí**  
Chính quán, tay chung lưng  
Luân Địa (ngón út) Thủy (ngón vô Danh) Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trỏ)  
Trái phải trợ nhau giữ  
Hai Không (2 ngón cái) đều xoay chuyển  
Hợp ở trong chưởng Huệ (lòng bàn tay phải)  
Đây gọi là **Pháp Luân**  
**Tối Thắng Cát Tường Ấn**  
Chẳng bao lâu người này  
Đồng với đấng Cứu Thế  
Uy lực Ấn Chân Ngôn  
Người thành tựu sẽ thấy  
Thường như thật luân chuyển  
Mà chuyên Đại Pháp Luân



**Kim Cương Tát Đỏa Luân Chân Ngôn** là:  
“**Năng** mạc tam mãn đa phộc nhật-la noãn (1) phộc nhật-la (2) đát-ma cú  
hàm (3)”

ॐ मः समं न वसन् वसुधै कुर्वन्

\*) NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM\_ VAJRA ATMAKA-UHAM

Tụng Chân Ngôn này xong  
Sẽ trụ ở Đẳng Dẫn  
Để quán thân của ta  
Tức là **Chấp Kim Cương**(Vajradhāra)  
Vô lượng hàng Thiên Ma  
Chư Hữu khi nhìn thấy  
Như **Kim Cương Tát Đỏa** (Vajra-satva)  
Đừng sinh tâm nghi hoặc

\_Tiếp dùng Chân Ngôn Ấn  
\_Khoác mặc giáp Kim Cương

Nên quán nơi y phục  
 Khấp thể sinh ánh lửa  
 Dùng để trang nghiêm thân  
 Các Ma, loài gậy chướng  
 Với loại tâm ác khác  
 Nhìn thấy đều chạy tan  
 Trong đây, tướng Mật Ấn  
 Trước tác Tam Bồ Tra  
 Tâm quán hai Phong Luân (2 ngón trỏ) quán giữ trên Hỏa Luân (ngón giữa)  
 Hai Không (2 ngón cái) tự kèm nhau  
 Ở trong lòng bàn tay  
 Tụng Chân Ngôn ấy xong  
 Nên quán **chữ không dơ** (Vô Cấu Tự)



**Kim Cương Giáp Trụ Chân Ngôn** là:

“**Năng mặc tam mãn đa phộc nhật-la noãn (1) Ấn, phộc nhật-la ca phộc giá, hồng**”

ॐ नमः समन्तवज्रानाम् ओम वाज्राकावचा ह्रूं

\*) NAMAḤ SAMANTA-VAJRAÑĀM\_ OM VAJRA-KAVACA HŪM

\_Chữ **La** ( 𑖫 \_ RA) màu trắng tinh

Dùng điểm Không nghiêm sức ( 𑖫 \_ RAM)

Như minh châu cột tóc

Đặt ở trên đỉnh đầu

Giả sử trong trăm kiếp

Gom chứa mọi tội cấu (tội dơ bản)

Do đây đều trừ diệt

Phước Tuệ đều viên mãn

Chân Ngôn ấy là (đồng dùng **Phổ Ấn**)

“**Năng mặc tam mãn đa một đà nam \_ Lam**”

ॐ नमः समन्तबुद्धानाम् ॐ

\*) NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ RAM

Chân Ngôn đồng Pháp Giới

Trừ vô lượng chúng tội

Chẳng lâu sẽ thành tựu

Trụ ở **Địa Bất Thoái**

Tất cả nơi húc ướ

Nên gia môn chữ này ( 𑖫 \_ RAM)

Màu đỏ đủ uy quang

Vòng lửa vây quanh khắp

\_Cảnh Phát nơi **Địa Thần**





Địa Thần Chân Ngôn là:

“**Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) bát lật thể mai duệ, sa-phộc ha**”

𑖀𑖡𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ PṚTHIVYAI - SVĀHĀ

Tiếp Địa Thần Khuyên Thỉnh Kệ là:

“Ngài, Thiên Nữ hộ giúp

Nơi chư Phật Đạo Sư

Tu hành Hạnh thù thắng

Tĩnh Địa Ba La Mật

Như phá chúng Ma Quân

Thích Sư Tử cứu thế

Ta cũng giáng phục Ma

Ta vẽ Man Trà La”

ĐẠI TỶ LÔ GIÁ NA THÀNH PHẬT THẦN BIẾN GIA TRÌ KINH  
BỒ ĐỀ TRÀNG MẬT AN TIÊU XÍ BÍ MẬT MẠN ĐỒ LA PHÁP  
\_PHẨM THỨ HAI\_

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại tuyên nói Pháp nhập vào Mạn Đồ La bí mật

**Ưu Đà Na** là:

Chân Ngôn biến Giác Giá

Thông đạt Đàn Bí Mật

Như Pháp vì Đệ Tử

Thieu hết tất cả tội

Thọ mệnh đều đốt hết

Khiến nó chẳng sinh lại

Cùng với tro tàn xong

Thọ mệnh ấy hoàn lại

Vì dùng Chử đốt Chử

Nhân Chử mà liền sinh

Tất cả Thọ với sinh

Thanh tịnh khắp không dơ

Dùng mười hai chi Cú

Mà làm nơi Khí ấy

Tam Muội Gia như vậy

Tất cả các Như Lai

Bồ Tát, đấng Cứu Thế

Với Phật, chúng Thanh Văn

Cho đến các Thế Gian

Bình đẳng chẳng trái ngược

Giải Thệ bình đẳng này

Mạn Đồ La bí mật

Vào tất cả Pháp Giáo

Các Đàn đều tự tại

Thân Ta ngang đẳng ấy

Bạc Chân Ngôn cũng vậy

Dùng Bất Tương dị (chẳng khác nhau) nên

Nói tên **Tam Muội Gia** (Samaya)

Trước mặt quán chữ **La** ( 𣎵 \_ RA)

Là ánh lửa sáng sạch  
Nhu mặt trời sáng sớm  
Niệm tiếng, Nghĩa chân thật  
Hay trừ tất cả Chướng  
Giải thoát dơ ba Độc  
Các Pháp cũng như vậy  
Trước tự tĩnh đất Tâm  
Lại tĩnh đất Đạo Trường  
Đều trừ mọi lầm lỗi  
Tướng ấy như hư không  
Nhu Kim Cương Sở Trì  
Đất này cũng như vậy  
Trụ Bản Tôn Du Già  
Dùng thêm năm chi Chữ  
Đẳng Dẫn rồi vận tướng  
Liên đồng **Mâu Ni Tôn**

\_Chữ **A** ( 𣎵 ) màu vàng ròng  
Dùng làm Kim Cương Luân  
Gia trì ở thân dưới  
Nói tên **Du Già Tọa**

\_Chữ **Noan** ( 𣎵 \_ VAM) trắng trắng tinh  
Ở bên trong sương mù  
Gia trì ngay trên rốn  
Gọi là **Đại Bi Thủy**

\_Chữ **Lãm** ( 𣎵 \_ RAM) sơ nhật huy (ánh mặt trời mới mọc)  
Màu đỏ trong tam giác  
Gia trì trái tim mình  
Gọi là **Trí Hỏa Quang**

\_Chữ **Hàm** ( 𣎵 \_ HAM) lửa kiếp tai  
Màu đen tại Phong Luân  
Gia trì mé Bạch Hào (chân tóc trên tam tinh)  
Nói tên **Tự Tại Lực**

\_Chữ **Khư** với điểm Không ( 𣎵 \_ KHAM)  
Tướng thành tất cả màu  
Gia trì trên đỉnh đầu  
Tên gọi là **Đại Không**

\_Năm Chữ dùng nghiêm thân  
Khuôn uy đức sáng rực  
Diệt trừ mọi nghiệp tội  
Thiên Ma, loài gây chướng  
Thấy Kim Cương hách dịch

**Bách Quang Vương** trong đầu  
An lập mắt Vô Cấu (không dơ bẩn)  
Quán thân đồng Như Lai  
Lại niệm câu Mãn Túc  
“**A noan lām hàm khiếm**”

𑖀𑖄𑖆𑖅𑖄

\*)A VAM RAM HAM KHAM  
An lập Khí Thế Gian (cõi vật chất)  
Không ( hư không), Phong (gió) ở tận dưới  
Tiếp quán Hỏa (lửa) Thủy (nước) Địa (đất)  
Là Luân đồng Kim Cương  
Tên **Đại Mục Đà La** (?Đại Nhân Đà La)  
Ánh lửa màu vàng sạch  
Thấy đều lưu xuất khắp

\_Bấy giờ, Bạc Già Phạm  
Quán sát Đại Chúng Hội  
Bảo **Bí Mật Chủ** rằng:  
“Có Pháp Giới Tiêu Xí (cờ biểu, vật biểu tượng)  
Do đây trang nghiêm thân  
Trải qua trong sinh tử  
Ở Đại Hội Như Lai  
Tiêu Xí Bồ Đề Tràng  
Các Trời Rồng, Dạ Xoa  
Cung kính mà thọ giáo  
Ấn đầu, **Phật Tam Muội**



### **Pháp Giới với Pháp Luân**



**Khế Già** [Khadga:Đao Ấn] quy mệnh hợp {Quy Mệnh Hợp Chương}  
Co Phong (ngón trở) Không Luân (ngón cái) gia [ngón cái đè ngón trở]



**Pháp Loa**, Hư Tâm Hợp (chấp tay lại giữa trống rỗng)  
Phong (ngón trỏ ) cột trên Không Luân (ngón cái)



**Cát Tường Nguyệt Liên Hoa**



**Kim Cương Đại Tuệ Ấn**



**Ma Ha, Như Lai Đỉnh**



Do Phong (ngón trỏ) **Hào Tướng Tạng**



**Du Già**, tướng ôm bát



Tay Trí Tuệ (tay phải) dơ lên  
**Tên Vô Úy Thí Giả**



Rũ xuống thương, **Mãn Nguyệt**



Tuệ Quyền (quyền phải) duỗi Hỏa (ngón giữa) Thủy (ngón vô danh)  
Bạc Trí thành **Phật Nhân**



Nội Phục, Phong Luân (ngón trỏ) **Sách** [Thắng Nguyệt Sách Ấn]



**Tâm Ấn** duỗi Hỏa Luân (?duỗi ngón trỏ và ngón giữa rồi hơi co lại)



Duỗi Thủy (duỗi thêm ngón vô danh) **Như Lai Tề**



Nội Phục duỗi Tuệ Thủy (Ngón vô danh phải)  
Tên là **Như Lai Yêu**



Như dùng tập Chân Ngôn

.)**Đại Tuệ Dao Chân Ngôn** là:

“**N**ặng mạc tam mạn đa một đà nam (1) ma ha khiết già vĩ la nhạ (2) đạt ma san nại-la xa ca sa ha nhạ (3) tát đắc-ca đã nại-lật sắt xỉ thể nặc ca (4) đát tha nghịet đa vĩ mục cật-đế nễ tá đa (5) vĩ la nga đạt ma nễ nhạ đa, hồng (6)”

नमः सम्यक् बुद्धाय नमः सर्वत्र अस्मिन् वक्ष्ये संशयान् नमः सम्यक्  
युक्तेषु केशवैः नमः सर्वत्र अस्मिन् अस्मिन् अस्मिन् अस्मिन् अस्मिन् अस्मिन् अस्मिन्

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM MAHĀ-KHADGA VIRAJA  
DHARMA SAṂDARŚAKA SAHAJA SATKĀYA-DRṢṬI CCHEDAKA  
TATHĀGATA ADHIMUKTI NIRJATA VIRĀGA DHARMA NIRJATA HŪM

.)*Đại Pháp Loa Chân Ngôn* là:

“Năng mặc tam mãn đà một đà nam \_ Âm”

नमः सम्यक् बुद्धाय नमः

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM AM

.)*Liên Hoa Tọa Chân Ngôn* là:

“Năng mặc tam mãn đà một đà nam (1) A”

नमः सम्यक् बुद्धाय नमः

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM AH

.)*Kim Cương Đại Tuệ Chân Ngôn* là:

“Năng mặc tam mãn đà một đà nam (1) Hồng”

[?Năng mặc tam mãn đà phộc nhật-la noãn (1) Hồng]

नमः सम्यक् बुद्धाय नमः

\*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM HŪM

.)*Như Lai Đỉnh Chân Ngôn* là:

“Năng mặc tam mãn đà một đà nam (1) Hồng hồng”

नमः सम्यक् बुद्धाय नमः

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM HŪM HŪM

.)*Như Lai Đỉnh Tướng Chân Ngôn* là:

“Năng mặc tam mãn đà một đà nam (1) Nga nga năng nan đa sa-phả la  
ninh (2) vĩ truật đà đạt ma nễ nhạ đế (3) sa-phộc hạ”

नमः सम्यक् बुद्धाय नमः सर्वत्र अस्मिन् अस्मिन् अस्मिन् अस्मिन् अस्मिन् अस्मिन्

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM GAGANA ANANTA  
SPHARAṆA VÍSUDDHE DHARMA NIRJATE SVĀHĀ

.)*Hào Tướng Tạng Chân Ngôn* là:

“Năng mặc tam mãn đà một đà nam (1) A hàm nhạ”

नमः सम्यक् बुद्धाय नमः

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM AH HAM JAḤ

.)*Đại Bát Án Chân Ngôn* là:

“Năng mặc tam mạn đà một đà nam. Bà”

नमः सम्यक् बुद्धाय नमः

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM BHAḤ

.)*Thí Vô Úy Chân Ngôn* là:

“Năng mặc tam mạn đà một đà nam (1) tát phộc tha (2) nhĩ na nhĩ na (3)  
bội dã năng xa na (4) sa-phộc hạ”

नमः सम्यक् बुद्धाय सर्वथा जिन जिन भयानासना स्वहा

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ SARVATHĀ JINA JINA \_ BHAYA NĀŚANA\_ SVĀHĀ

.)Dữ Nguyên Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) phộc la na, phộc nhật-la đát-ma ca (2) sa-phộc hạ”

नमः सम्यक् बुद्धाय वरद वज्रमहा स्वहा

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ VARADA VAJRA-ATMAKA\_ SVĀHĀ

.)Bi Sinh Nhân Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) Nga nga năng, phộc la, lạc cật-xoa ninh (2) ca lỗ noa ma đã (3) đát tha nghiệt đa, tác cật-sô (4) sa-phộc hạ”

नमः सम्यक् बुद्धाय गगन वर लक्ष्मण कर्मण्य नक्षत्र वक्र स्वहा

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ GAGANA VARA LAKṢAṆA KĀRUṆI-MAYA\_ TATHĀGATA-CAKṢU\_ SVĀHĀ

.)Nhu Lai Sách Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) Hệ hệ ma hạ bá xả (2) bát-la sa lao na lý- đã (3) tát đỏa đã đồ (4) vi mô ha ca (5) đát tha nghiệt đa địa mục cật-đế nể tá đa, sa-phộc hạ”

नमः सम्यक् बुद्धाय कर्मण्य सत्तस्य समस्त अक्षय नक्षत्र अक्षय स्वहा

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ HE HE MAHĀ-PĀŚA\_ PRASARA UDĀRYA SATVA-DHĀTU VIMOHAKA\_ TATHĀGATA ADHIMUKTI NIRJATA\_ SVĀHĀ

.)Nhu Lai Tâm Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) chỉ-nhuông nô (2) ô-t-bà phộc (3) sa-phộc hạ”

नमः सम्यक् बुद्धाय उभयव्यस स्वहा

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ JÑĀNA UDBHAVA\_ SVĀHĀ

.)Nhu Lai Tể Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) A một-lật đô ô-t-bà phộc (2) sa-phộc hạ”

नमः सम्यक् बुद्धाय अमृत उभयव्यस स्वहा

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ AMṚTA UDBHAVA\_ SVĀHĀ

.)Nhu Lai Yêu Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) đát tha nghiệt đa tam sa phộc (2) sa-phộc hạ”

नमः सम्यक् बुद्धाय नक्षत्र संवत् स्वहा

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ TATHĀGATA SAMBHAVA\_ SVĀHĀ

.)Nhu Lai Tạng Chân Ngôn là:

“Năng mạc tát phộc đát tha nghiệt để tể (1) lam lam lạc lạc (2) sa-phộc hạ”

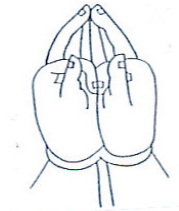
नमः सर्व नक्षत्रः ५ १ १ १ १ ५ स्वहा







**Nha Ân Phong** (ngón trỏ) vào chưởng (Tam Bồ Đa)



**Biện Thuyết** hai Phong Luân (2 ngón trỏ)

Đặt lóng ba của Hỏa (Đề trên lóng thứ ba của ngón giữa, sao cho đầu ngón đùng dính nhau)



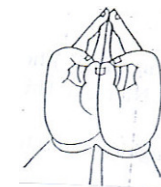
**Thập Lực** Liên Hoa Hợp (Liên Hoa Hợp Chưởng)

Co Địa (ngón út) Không (ngón cái) vào trong

Trong chưởng cùng hợp nhau



**Niệm Xứ** Phong (ngón trỏ) vịn Không (ngón cái)



**Khai Ngộ** Không (ngón cái) giữ Thùy (ngón vô danh)



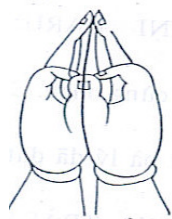
## **Phổ Hiền Như Ý Châu**

Liên Hợp, Phong (ngón trỏ) đè Hỏa (ngón giữa)



## **Từ Thị Ân** theo trước

Co Phong (ngón trỏ) dưới Hỏa Luân (ngón giữa)



## **Vô Năng Hại Lực** (tiếp Kệ)

Nghiêm tĩn quốc độ Phật

Phụng sự các Như Lai

Đề quán biển nước thom

**Đại Hải Chân Ngôn** là:

“**Án, vĩ ma lỗ na đạ, hồng**”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

\*)OM\_ VIMALA UDADHI HŪM

## **Đem Diệ Liên Hoa Vương**

Đặt ở **Hoa Tạng Giới**

Nhóm Chính Giác tối sơ (khởi đầu)

Đặt bày Mạn Đồ La

Bí mật ở trong mật

**Đại Bi Thai Tạng Sinh**

Với vô lượng Thế Gian

Mạn Đồ La xuất thế

Hết thầy Đồ Tượng ấy

Thứ tự nói, nên nghe

Vòng quanh khắp bốn phương

Một cửa với lối đi (thông đạo)

Án Kim Cương nghiêm khắp

Giữa: **Yết Ma Kim Cương**

Hoa sen lớn ở trên

Cọng Kim Cương xinh đẹp (diệu sắc)

Tám cánh đủ rây nhụy

Mọi báu tự trang nghiêm

Hé nở đầy quả trái

**Ở Ấn Đại Liên** ấy  
Điễm Đại Không trang nghiêm  
Câu **mười hai Chi Sinh**  
Khắp cả trong đài hoa  
Tuông tuôn vô lượng quang (vô lượng ánh sáng)  
Trăm ngàn sen vây quanh

Trên đó lại quán tưởng  
Tòa Đại Giác Sư Tử  
Dùng Bảo Vương (vật báu đứng hàng đầu) nghiêm sức  
Ngay trong cung điện lớn  
Bày cột báu thành hàng  
Khắp nơi có phướng, lọng  
Các chuỗi ngọc xen nhau  
Rũ treo áo báu đẹp (diệu bảo)  
Mây hương hoa vòng khắp  
Cùng với mọi mây báu  
Tuôn mưa đủ loại hoa  
Thơm phức trang nghiêm đất  
Tiếng hòa vận êm tai  
Dâng hiến các âm nhạc  
Trong Cung tưởng tĩnh diệu (trong sạch màu nhiệm)  
Hiền Bình với Át Già  
Cây vua báu (Bảo Thọ Vương) nở hoa  
Đèn Ma Ni soi chiếu  
Tam Muội, đất Tổng Trì  
Thẻ nữ của Tự Tại  
Nhóm Phật Ba La Mật  
Hoa Bồ Đề diệu nghiêm  
Phương tiện tác mọi kỹ  
Ca vịnh âm Diệu Pháp  
Cúng dường các Như Lai  
**Dùng lực Công Đức Ta**  
**Lực Như Lai gia trì**  
**Cùng với lực Pháp Giới**  
**Cúng dường khắp mà trụ**  
(Ấn Phổ Thông)  
**Kết Đại Luân Đàn Ấn**

\_\_ Tiếp Chúng Sắc Giới Đạo

**La** ( 𑖣 \_ RA) [màu trắng, chính giữa] **Lãm** ( 𑖣 \_ RAM) [màu đỏ, cây phướng]  
**Ca** ( 𑖣 -KA) [màu vàng, bông hoa] **Ma** ( 𑖣 - MA)[màu xanh, đầy khắp] **Ha** ( 𑖣 - HA)[màu đen, Âm Giới Đạo. Kim Cương Tuệ Ấn]

Quán Ấn Chân Ngôn trong **Trung Thai** ấy [Chủng Tử của các Tôn, mỗi mỗi phải an bày rõ ràng. Trước tiên tưởng vòng ánh sáng tròn trịa (Viên Quang)]

Vàng trắng trong sáng khắp  
Thanh tịnh lìa các dơ  
Giữa có hình Bản Tôn

Diệu sắc vượt ba cõi  
Áo sa lụa nghiêm thân  
Mão báu buông tóc rũ  
Tam Ma Địa **Tịch Nhiên**  
Lửa sáng hơn ánh điện  
Giống như trong gương sạch  
Sâu thăm hiện hiện dung  
Hiện hình sắc vui, giận  
Cầm giữ nhóm **Dữ Nguyện**  
Thân tương ứng chính thọ  
Tâm sáng tỏ không loạn  
Vô Tướng tịnh Pháp Thể  
Nên nguyện cứu quần sinh  
Dùng tám Mạn Đồ La  
Quyến thuộc tự vây quanh

\_ Tiếp, Đông: **Biển Tri Ân**  
Phương này (?Phương Bắc): **Quán Tự Tại**  
Nam đề **Kim Cương Thủ**  
Y phương Niết Ly Đề (phương Tây Nam)  
**Bất Động Như Lai Sứ**  
Phong phương (phương Tây Bắc) **Thắng Tam Thế**  
Bốn phương bốn **Đại Hộ**  
Cửa đầu (sơ môn) **Thích Ca Văn**  
Thứ ba **Diệu Cát Tường**  
Phương Nam **Trừ Cái Chướng**  
Thắng phương (phương Bắc) **Địa Tạng Tôn**  
**Long Phương** (phương Tây) **Hư Không Tạng**  
Với quyến thuộc **Tô Tất** (Susidhi: Tô Tất Địa)  
Trời **Hộ Thế** uy đức  
Theo thứ tự phân bày

\_ Tiếp nên bung lò hương  
(Nếu có người chẳng thể có Ân cần yếu, không thể tác thì chỉ cần bung lò hương. Chân Ngôn có khác biệt, có thể theo Khẩu Quyết vậy)

\_ Tiếp *Như Lai Giáp Chân Ngôn* là:  
“Quy mệnh (1) bát-la chiến noa (2) phộc nhật-la nhập-phộc la (3) vĩ sa-phổ la hồng (4)”

ॐ मः समं व बुद्धं नमः प्रवृत्तं व ज्ज्वालं वृद्धं रू च

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ PRACAṆḌA VAJRA-JVALA  
VISPURĀ\_HŪM

\_ Tiếp *Như Lai Thiệt Chân Ngôn* là:  
“Quy mệnh (1) đát tha nghiệt đa, nhĩ ha-phộc (2) tát đê-dã đát ma bát-la đê sắt-xĩ đa (3) sa-phộc hạ”

ॐ मः समं व बुद्धं नमः गलतं ग रू मं व द म् व (१५ ग न म् न च

**\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ TATHĀGATA-JIHVA SATYA-DHARMA PRATIṢṬITA\_ SVĀHĀ**

*Như Lai Ngũ Chân Ngôn* là:

“Quy mệnh (1) đất tha nghiệt đa, ma ha phộc cật đất-la (2) vĩ thấp-phộc chỉ-nhuờng nằng ma hộ na dã (3) sa-phộc hạ”

ॐ: सप्त षडङ्गं गणितं मन्त्रं वक्त्रं अष्टाङ्गं मन्त्रं सप्त षडङ्गं

**\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ TATHĀGATA MAHĀ-VAKTRA VIŚVA JÑĀNĀM MAHODAYA\_ SVĀHĀ**

*Như Lai Nha Chân Ngôn* là:

“Quy mệnh (1) đất tha nghiệt đa nằng sắt-tra-la la sa la sa cật-la (3) tham bát-la bác ca (4) tát phộc đất tha nghiệt đa (5) vĩ sái dã tham bà phộc (6) sa-phộc hạ”

ॐ: सप्त षडङ्गं गणितं सप्त षडङ्गं [सप्त षडङ्गं सप्त षडङ्गं सप्त षडङ्गं सप्त षडङ्गं सप्त षडङ्गं सप्त षडङ्गं

**\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ TATHĀGATA-DAMṢṬRA\_ RASA RASA AGRA SAMPRĀPAKA \_ SARVA TATHĀGATA-VIṢAYA SAMBHAVA\_ SVĀHĀ**

*Như Lai Biện Thuyết Chân Ngôn* là:

“Quy mệnh (1) a chẵn để-dã na-bộ đa (2) lộ ba phộc tam ma đá bát-la bát-đa (3) vĩ du đà sa-phộc la (4) sa-phộc hạ”

ॐ: सप्त षडङ्गं सप्त षडङ्गं सप्त षडङ्गं सप्त षडङ्गं सप्त षडङ्गं सप्त षडङ्गं सप्त षडङ्गं

**\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ ACINTYA ADBHUTA RŪPA VĀK SAMANTA-PRĀPTA VIŚUDDHĀ-SVĀRA\_ SVĀHĀ**

*Như Lai Thập Lực Chân Ngôn* là:

“Quy mệnh (1) nại xa mặt lằng nga đạt la (2) hồng tam nhiêm (3) sa-phộc hạ”

ॐ: सप्त षडङ्गं सप्त षडङ्गं सप्त षडङ्गं सप्त षडङ्गं सप्त षडङ्गं सप्त षडङ्गं सप्त षडङ्गं

**\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ DAŚA-BALAMGA DHARA\_ HŪM SAM JAM\_ SVĀHĀ**

*Như Lai Niệm Xứ Chân Ngôn* là:

“Quy mệnh (1) đất tha nghiệt đa sa ma-lật đế (2) tát đất-phộc hệ đất-phộc tỳ-dữu ót-nghiệt đa (3) nga nga nằng tam mang thăm ma (4) sa-phộc hạ”

ॐ: सप्त षडङ्गं गणितं मन्त्रं वक्त्रं अष्टाङ्गं मन्त्रं सप्त षडङ्गं सप्त षडङ्गं सप्त षडङ्गं

**\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ TATHĀGATA-SMṚTI SATVA HĪTA ABHYUDGATA\_ GAGANA SAMA ASAMA\_ SVĀHĀ**

*Bình Đẳng Khai Ngộ Chân Ngôn* là:

“Quy mệnh (1) tát phộc đạt ma tam ma đa bát-la bát-đa (2) đất tha nghiệt đa nõ nghiệt đa (3) sa-phộc hạ”

ॐ: सप्त षडङ्गं सप्त षडङ्गं सप्त षडङ्गं सप्त षडङ्गं सप्त षडङ्गं सप्त षडङ्गं सप्त षडङ्गं

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM SARVA DHARMA SAMANTĀ  
PRĀPTA TATHĀGATA ANUGATA SVĀHĀ  
(Phần trên là Như Lai Thân Hội)

Phổ Hiền Bồ Tát Như Ý Châu Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) tham ma đa nỗ nghiệt đa vĩ la nhạ đạt ma (2) nễ xả đa (3)  
ma hạ ma hạ (4) sa-phộc hạ”

ॐ: सप्तमं वृक्षं सप्तमं वृक्षं वृक्षं वृक्षं वृक्षं वृक्षं वृक्षं वृक्षं वृक्षं वृक्षं

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM SAMANTA ANUGATA VIRAJA  
DHARMA NIRJATA MAHĀ MAHĀ SVĀHĀ

Từ Thị Bồ Tát Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) a nhĩ đa nhạ dã (2) tát phộc tát đất-phộc xa dã nỗ nghiệt đa  
(3) sa-phộc hạ”

ॐ: सप्तमं वृक्षं सप्तमं वृक्षं सप्तमं वृक्षं सप्तमं वृक्षं सप्तमं वृक्षं सप्तमं वृक्षं

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM AJITAM JAYA SARVA  
SATVA ŚAYA ANUGATA SVĀHĀ

Thời Đức Phật trụ Cam Lộ Sinh Tam Muội nói Nhất Thiết Tam Thế Vô  
Ngại Lực Minh Phi Chân Ngôn là (có thể dùng Đỉnh Ấn)

“Quy mệnh Đất nễ-dã tha (1) nga nga năng tam mê (2) a bát-la để tam mê  
(3) tát phộc đất tha nghiệt đa tam ma đá nỗ nghiệt đế (4) nga nga năng tam ma (5)  
phộc la lạc khát-xoa nãi (6) sa-phộc hạ”

ॐ: सप्तमं वृक्षं सप्तमं वृक्षं सप्तमं वृक्षं सप्तमं वृक्षं सप्तमं वृक्षं सप्तमं वृक्षं

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM TADYATHĀ: GAGANA SAME  
APRATI SAME SARVA TATHĀGATA ANUGATE GAGANA SAMA  
VARA LAKṢAṆE SVĀHĀ

Vô Năng Hại Lực Minh Phi Chân Ngôn là (có thể dùng Bảo Khiếp Ấn)

“Năng mạc tát phộc đất tha nghiệt đế tỳ-dược (1) tát phộc mục khế tỳ-dược  
(2) a tam mê (3) bát la mê (4) a giả lệ (5) nga nga nê tát-ma la nãi (6) tát phộc đất-  
la nỗ nghiệt đế (7) sa-phộc hạ”

ॐ: सप्तमं वृक्षं सप्तमं वृक्षं सप्तमं वृक्षं सप्तमं वृक्षं सप्तमं वृक्षं सप्तमं वृक्षं

\*)NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYAḤ SARVA MUKHEBHYAḤ  
ASAME PARAME ACALE GAGANE SMARANE SARVATRA  
ANUGATE SVĀHĀ

Kim Cương Thủ cầm hoa (Nội Trí)

Phộc Phộc nhật-la bá nê (đây là Đại Chân Ngôn Vương Ấn. Dùng Ngũ Cổ  
biểu thị cho năm Trí bên trong)

ॐ वृक्षं वृक्षं

\*)VA VAJRAPĀṆE

Tĩnh Trị Chân Ngôn là:

“Ấn, một đà môi đất-la, phộc nhật-la, la khát-xoa”

ॐ वृद्ध शिव वज्र राक्ष

\*)OM\_ BUDDHĀ-MAITRA VAJRA RAKṢA

**\_Bất Động Đại Minh Vương**

Khử dơ khiến trong sạch

**Tịch Trừ** hiện ánh sáng

Với Hộ Thân, Kết Giới

\_Tiếp muốn thỉnh Thánh Hiền

Trước tiên dùng chuông, chày

\_Tiếp, dùng Ấn Chân Ngôn

Mà thỉnh Triệu chúng Thánh

**Câu Ấn Sách, Tỏa, Linh**

\_Tiếp bày **Tam Muội Gia**

Mau mắn Nguyên vô thượng

Khiến Bản Chân Ngôn Chủ

Các Minh vui vẻ nên

Dâng hiến nước Át Già

Như Pháp dùng gia trì

Phụng các bậc **Thiện Thệ**

Dùng tám thân **Vô Cấu** (không dơ bẩn)

\_Tiếp nên tịnh tất cả

Con sinh từ miệng Phật (Chân Ngôn là: 21 biến **Bất Động**)

\_Tiếp **Phụng Hoa Tỏa Chân Ngôn** là (Trừ chướng, gia hộ chẳng động)

**A (ॐ AH)** [ Rồi tác lời này]

Chữ **Khur**, điếm Đại Không (ॠ-KHAM)

Đặt ở trên đỉnh đầu

Chuyển thân làm Tát Đỏa

Tâm chúng tử Kim Cương

Bày khắp các chi phần

Các Pháp lia ngôn thuyết

Dùng đủ An Chân Ngôn

Liên đồng **Chấp Kim Cương**

Chân Ngôn ấy là (Ngũ Cổ, Tam Cổ)

“**Năng mặc tam mạn đa phộc nhật-la noãn (1) chiến noa ma ha lỗ sái noa (2) hồng**”

ॐ नमो सामन्तावज्रानाम् चण्डा महारोषणा हुम्

\*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM\_ CAṆḌA MAHĀ-ROṢAṆA\_ HŪM

Khấp thân khoác áo giáp

\_Tiếp nên nhất Tâm tác

Ấn **Tồi Phục Chư Ma**

Chân Ngữ cùng tương ứng





\*NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ LELU (?LELLU) PURIVIKULE\_ SVĀHĀ

## HỘI THỨ SÁU

Bốn phương bốn **Đại Hộ**  
Vô úy (không sợ hãi) hoại chư bố (các sự sợ hãi)  
**Nan Hàng Phục Hộ Giả**  
**Vô Kham Nhẫn** hộ khắp  
Tạng Ấn hợp móng Thủy (ngón vô danh)  
Duỗi bung hai Phong Luân (2 ngón trỏ)  
**Pháp Tràng Cao Phong Quán**  
Thương xót Chúng không sót

\_Đài hoa Phương Đé Thích (phương Đông)  
Anh chữ **Phộc** (𑖔\_VA) chuyển thành  
Bạc **Vô Úy Kết Hộ**  
Màu vàng , áo trắng đẹp  
Mặt hiện chút phần nộ  
Tay cầm giữ **Đàn Trà** (Daḍa: cây gậy)

Phương Dạ Xoa (phương Bắc) , chữ **Phộc** (𑖔\_BA )  
Hoại sợ hãi, kết hộ  
Ao trắng, màu trắng tinh  
Tay cầm giữ **Khát Già** ( Khaḍga: cây đao)

Phương Rồng (phương Tây) quán chữ **Sách** (𑖓\_SAH)  
Chuyển thành **Nan Hàng Phục**  
Màu như hoa Vô Ưu  
Ao màu đỏ, mỉm cười  
Quán sát nơi Chúng Hội

Phương Diêm Ma (phương Nam) **Hàm Khiêm** ( 𑖕\_KṢAM)  
Thành **Vô Thẳng Kết Hộ**  
Màu đen, quần áo đen (đen tuyền)  
**Tỳ Câu** (hình như Tỳ Câu Chi), trán dợn sóng  
Đầu đội mao tóc kết  
Chiếu sáng Giới Chúng Sinh  
Tay giữ Ấn Đàn Trà  
Vớ tất cả quyền thuộc  
Đều ngồi trên sen trắng

Chân Ngôn với Mật Ấn  
Như trước đã mở bày (khai thị)

Cửa cửa, hai **Thủ Hộ**  
**Vô Năng**, Tam Muội Quyền (quyền trái)  
Nâng Dục Luân (Cùi chỏ) khai mở

Trí Quyền (quyền phải) tim, duỗi phong (ngón trỏ)

Giống như thể suy nghĩ

**Tương Đối** (Tương Hưởng Thủ Hộ) nâng Tuệ Quyền (Quyền phải)

Dạng như thể đâm nhau

Bất Khả Việt Thủ Hộ Chân Ngôn là:

“(Kim Cương quy mệnh) (1) nột la-dà lý-sái ma hạ lộ sái noa (2) khur nại đã tát noan sa-đát tha nghiệt đa nhiên củ lỗ (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसमन्तवज्रानाम् दार्दहार्षा महारोषाणा  
कहाद्या सर्वा तथगतानाम् कुरु स्वहा

\*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRĀNĀM\_ DARDHARṢA, MAHĀ-ROṢAṆA  
KHĀDAYA \_ SARVA TATHĀGATĀ JÑAM KURŪ \_ SVĀHĀ

Tương Hưởng Thủ Hộ Minh:

“(Giống như trước) (1) Hê, a tỳ mục khur, ma hạ bát-la chiến noa (2) khur na đã, khấn chỉ la đã tỳ (3) tam ma đã, ma nồ sa-ma la (4) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसमन्तवज्रानाम् हे अभिमुखा महारोषाणा  
कहाद्या किमचिरायसि समयमनुस्मरान् स्वहा

\*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRĀNĀM\_ HE\_ ABHIMUKHA MAHĀ-  
PRACAṆḌA \_ KHADAYA KIMCIRĀYASI SAMAYAM-ANUSMARA\_ SVĀHĀ

Đồ Hương Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) vĩ du đà nga độ nạp-bà phộc (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसमन्तवज्रानाम् बुद्धानाम् विसुद्धा गन्धा  
उद्भवा स्वहा

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ VIŚUDDHA GANDHA  
UDBHAVA\_ SVĀHĀ

Hoa Cúng Đường Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) ma hạ muội đát lý- đã (2) tỳ-dữu nột nghiệt đế (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसमन्तवज्रानाम् बुद्धानाम् मयि शान्तिं कुरु स्वहा

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ MAHĀ-MAITRYA  
ABHYUDGATE\_ SVĀHĀ

Thiên Hương Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) đát ma đát-phộc nồ nghiệt đế (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसमन्तवज्रानाम् धर्मदत्तानाम् धर्मदत्तानाम्  
अनुगतानाम् स्वहा

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ DHARMA-DHĀTU ANUGATE\_  
SVĀHĀ

Âm Thực Cúng Đường Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) a la la, ca la la (2) mặt lân nại na nhĩ muội lân nại nĩ (3) ma hạ mặt lịch (4) sa-phộc hạ”

ॐ नमःसमन्तवज्रानाम् अरारा करारा बलिम  
दादा मि बलिम दादे महाबलिह स्वहा

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ ARARA \_ KARARA\_ BALIM  
DADA MI\_ BALIM DADE \_ MAHĀ-BALIḤ \_ SVĀHĀ

Đẳng Cúng Đường Chân Ngôn là:





## HỘI THỨ BA

Phương Bắc, **Quán Tự Tại**

**Bí Mật Mạn Đà La**

Phật Tử nhất tâm nghe

Phổ biến Tướng mười phương

Giữa (chính giữa) Cát Tường Thương Khư

Sinh ra hoa Bát Đàm

Hé nở đầy quả trái

Nương nhờ tay **Đại Liên**

Hào quang như trăng trong

Thương Khư, Quân Na Hoa (loài hoa có màu trắng tươi)

Mỉm cười ngời sen trắng

Tóc hiện **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus)

Trụ **Phổ Quán Tam Muội**

Quyển thuộc Liên Hoa Bộ

Cực Tây, thứ nhất bày

**Mã Đầu Quán Tự Tại**

Nhóm **Đại Minh Tự** (?Bạch) **Thân**

**Đa La Tôn Bồ Tát**

**Quán Tự Tại Bồ Tát**

**Tỳ Câu Chi Bồ Tát**

**Đại Thế Chí Bồ Tát**

**Liên Hoa Bộ Phát Sinh**

Thứ hai: **Tịch Lưu Minh**

Với **Đại Cát Tường Minh**

**Đại Cát Tường Đại Minh**

**Như Ý Luân Bồ Tát**

**Gia Du Đà La Phi**

**Tốt Đồ Ba Cát Tường**

**Đại Tùy Cát** (?Cầu) **Bồ Tát**

**Bạch Xứ Tôn Bồ Tát**

**Đại Cát Biến Bồ Tát**

**Thủy Cát Tường Bồ Tát**

**Bất Không Quyển Sách Vương**

Nhóm **Phong Tài Bồ Tát**

**Bạch Thân Quán Tự Tại**

**Bị Diệp Y Bồ Tát**

Bên phải **Đại Danh Xưng**

Thánh Giả **Đa La Tôn**

Màu xanh trắng pha tạp

Dạng người nữ trung niên

Chấp tay cầm sen xanh

Hào quang tròn chằng đỗi

Phát sáng như vàng sạch

Mỉm cười, áo trắng tinh

Nội Phộc dựng Không (ngón cái) Phong (ngón trỏ)

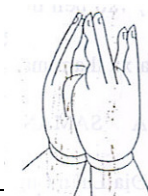


Bên trái, **Tỳ Câu Chi**  
Rũ tay cầm tràng hạt  
Ba mắt giữ búi tóc  
Tôn hình màu trắng tinh  
Màu hào quang không chủ  
Trắng vàng đỏ hòa nhập  
Ấn trước, giao Phong Luân (ngón trỏ)



Tiếp gần **Tỳ Câu Chi**  
**Vê Đắc Đại Thế Tôn**  
Quần áo màu Thương Khư  
Tay Hoa sen Đại Bi  
Tốt tươi chưa hé nở  
Hào quang tròn vây quanh  
**Minh Phi** trụ bên cạnh  
**Hiệu Trì Danh Xưng Giả**  
Tất cả diệu anh lạc  
Trang nghiêm thân màu vàng  
Cầm cành hoa tươi đẹp  
Tả (tay trái) cầm Bát Dận Ngô (loài hoa ở phương Tây có màu vàng nhạt)  
Mật Ấn như Minh Vương  
Nâng lên co Phong Luân (ngón trỏ)

Gần Thánh Giả Đa La  
Trú ở **Bạch Xứ Tôn**  
Mão tóc đều trắng đẹp  
Tay hoa **Bát Đầu Ma** (Padma: hoa sen hồng )  
Định Tuệ (2 tay) Hư Tâm Hợp (Chấp tay lại giữa trống rỗng)  
Không (ngón cái) Thủy (ngón vô danh) vào trong Nguyệt (lòng bàn tay)









Định đội mao Ngũ Kế (5 búi tóc)  
Giống như hình Đồng Tử  
Tay trái cầm sen xanh  
Trên hiên Ấn Kim Cương  
Mặt hiền từ mỉm cười  
Ngồi trên hoa sen trắng  
Điều tướng, hào quang tròn  
Ánh sáng trợ chung quanh  
Mà trụ **Phật Gia Trì**  
**Thân Lược Tam Muội Vương**

**Nhạ Gia, Vĩ Nhạ Gia**  
**Đồng Mẫu Đô, Nhĩ Đa**

Bắc (phía Bắc) **Quang Vãng Bồ Tát**  
**A Ba La Nhĩ Đa**

Bắc (phía Bắc) **Quang Vãng Bồ Tát**  
Tiếp **Bảo Quan Bồ Tát**  
**Vô Cấu Quang Bồ Tát**  
**Nguyệt Quang Minh Bồ Tát**  
Nhóm **Ngũ Kế Văn Thù**  
**Ô Ba Kế Cáo Nễ**  
**Phụng Giáo, các Bồ Tát**  
**Văn Thù Sư Lợi Tôn**  
**Mạn Thù Lê Bồ Tát**  
Hai Sứ Giả Văn Thù  
Câu Triệu, bốn **Phụng Giáo**  
Và **Câu Triệu Bồ Tát**

Hữu (bên phải) **Quang Vãng Bồ Tát**  
Cầm giữ mọi lưới báu  
Mọi loại Điều Anh Lạc  
Trụ tòa hoa sen báu  
Mà quán con trưởng Phật  
Định Quyền (quyền phải) cầm Câu Ấn



**Bảo Quan** cầm Ấn báu  
Tả Liên (hoa sen bên trái) **Vô Cấu Quang**  
Hoa sen xanh chưa nở  
Duỗi Ấn trước hơi co



### **Ké Thiết Nễ cầm đao**

(**Địa Tuệ** giữ Tràng Ân)

Tuệ Quyền (? quyền trái) dựng Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh)



### **Chất Đa La Đồng Tử**

Hữu Quyền (Quyền Phải) Phong Luân (ngón trỏ) Trương (dựng như cây gậy)

**Triệu Thỉnh Phong** (ngón trỏ) làm câu (móc câu)



Tiếp năm loại **Phụng Giáo**

### **Bất Tư Nghị Đồng Tử**

Định Tuệ (2 tay) Nội Phộc Quyền

Dựng Không (ngón cái) Phong (ngón trỏ) hợp nhau

Phong (ngón trỏ) co lỏng thứ ba



Như vậy năm **Sứ Giả**

Hai **Chúng** cùng vây quanh

Thị vệ **Vô Thắng Trí**

[**Văn Thù:** Tam Bồ Tra Chương, Hai Hòa (2 ngón giữa) đè ngược lưng hai Thủy (2 ngón vô danh) Hai Phong (2 ngón trỏ) vịn Không Luân (ngón cái)\_ **Vô Thắng Trí Giả** là Văn Thù vậy]



नमोऽस्तु ते बौद्धाय नमोऽस्तु ते बौद्धाय नमोऽस्तु ते

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ HILI\_ HE SMARA JÑĀNA-KETU\_ SVĀHĀ

Chât Đa-la Đồng Tử Chân Ngôn là (Citra)

“Quy mệnh (1) Nhĩ lý, chât đa-la (2) sa-phộc hạ”

नमोऽस्तु ते बौद्धाय नमोऽस्तु ते

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ MILI\_ CITRĀ\_ SVĀHĀ

Triệu Thỉnh Đồng Tử Chân Ngôn là (Phần trên là 5 vị Sứ Giả của Văn Thù)

“Quy mệnh (1) a ca la-xoa lê duệ dã (2) tát noan củ lỗ a nhiên (3) củ mang la tả (4) sa-phộc hạ”

नमोऽस्तु ते बौद्धाय नमोऽस्तु ते नमोऽस्तु ते नमोऽस्तु ते नमोऽस्तु ते

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ AKARṢAYA SARVA KURU AJÑĀM KUMĀRASYA\_ SVĀHĀ

Bát Tư Nghị Đồng Tử Chân Ngôn là:

“Quy mệnh (1) a vĩ sa-ma dã ninh duệ (2) sa-phộc hạ”

नमोऽस्तु ते बौद्धाय नमोऽस्तु ते

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ AḤ VISMAYA NĪYE\_ SVĀHĀ

### HỘI THỨ CHÍN

Hành Giả ở Tả Phương (phương bên trái)

Tiếp, tác **Đại Danh Xưng**

**Trừ Nhất Thiết Cái Chướng**

Chủng Tử đại tinh tiến

Là **Chân Đà Ma Ni**

Trụ ở trong Hỏa Luân

Chúng đoan nghiêm theo hầu

Nên biết quyền thuộc ấy

**Bi Mẫn Tuệ Bồ Tát**

**Phá Ác Thú Bồ Tát**

**Thí Vô Úy Bồ Tát**

Nhóm **Hiền Hộ Bồ Tát**

**Bát Tư Nghị Bồ Tát**

**Từ Phát Sinh Bồ Tát**

Và **Chiết Chư Nhiệt Nảo**

Tiêu Chí của Bí Mật

Thứ tự nên an bày

Danh Xưng **Trừ Chướng Tôn**

Trụ **Bi Lực Tam Muội**

Trí Phước (2 tay) Hư tâm hợp (Hư Tâm Hợp Chướng)

Co Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh ) vào Nguyệt (lòng bàn tay)



Tôn tả (Tôn bên trái) **Trừ Nghi Quái**  
Nội Phộc, dụng Hỏa (ngón giữa) Không (ngón cái)  
Bình báu để Nhất Cổ



**Thí Vô Úy Bồ Tát**  
Tác tay Thí Vô Úy



**Trừ Nhất Thiết Ác Thú**  
Duỗi Định Tuệ (2 tay) chắp lại

**Cứu Hộ Tuệ Bồ Tát**  
Bi Thủ (tay trái) chưởng (lòng bàn tay) tại tim  
Dụng Không (ngón cái) hướng lên trên



**Đại Từ Sinh Bồ Tát**  
Tuệ Phong Không (ngón trở phải và ngón cái phải) cầm hoa



**Bi Tuyền Nhuận bên phải**  
Bi (tay trái) vịn trên tim  
Rũ co Hỏa Luân (ngón giữa) chỉ



